

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


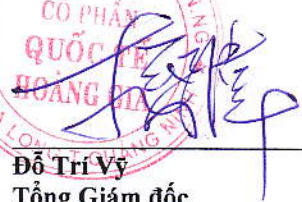
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 0078 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8, 10, 11, 12, 13, và 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị còn lại tài sản khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được số tiền đền bù đợt 1 trị giá 108,58 tỷ VND tương đương 4,97 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của Công viên. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		10.128.627	2.684.546
I. Tiền	110	5	4.677.104	1.180.218
1. Tiền	111		4.677.104	1.180.218
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.819.805	690.312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.256.261	437.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		587.968	246.564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.024.777	9.951
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(49.201)	(4.145)
III. Hàng tồn kho	140	9	597.409	802.965
1. Hàng tồn kho	141		629.458	835.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.049)	(32.048)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.309	11.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.309	11.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		47.140.166	54.482.115
I. Tài sản cố định	220		44.615.685	49.519.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	43.234.865	47.921.965
- Nguyên giá	222		52.430.444	58.571.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.195.579)	(10.649.762)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.380.820	1.597.386
- Nguyên giá	228		4.467.750	4.723.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.086.930)	(3.126.096)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	-	1.824.273
- Nguyên giá	231		-	2.244.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(420.605)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		927.034	1.163.591
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	927.034	1.163.591
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	419.411	419.411
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.178.036	1.555.489
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		729.104	1.227.461
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	41.180	32.416
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		407.752	295.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		57.268.793	57.166.661

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

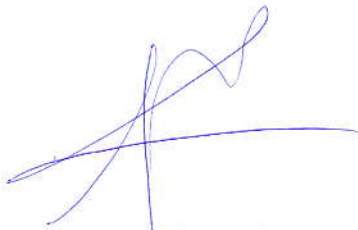
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		14.441.665	14.687.280
I. Nợ ngắn hạn	310		8.241.166	10.687.938
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.037.508	1.370.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.128	9.281
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.064.315	1.432.638
4. Phải trả người lao động	314		488.049	477.896
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31.301	24.284
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.154.951	2.913.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	3.461.914	4.459.193
II. Nợ dài hạn	330		6.200.499	3.999.342
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2.650.315	5.560
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	3.412.198	3.850.579
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		137.986	143.203
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		42.827.128	42.479.381
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	42.827.128	42.479.381
1. Vốn điều lệ	411		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ lũy kế)	421		(5.159.237)	(5.506.984)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.508.484)	1.694.956
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		349.247	(7.201.940)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		57.268.793	57.166.661



Cao Thị Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

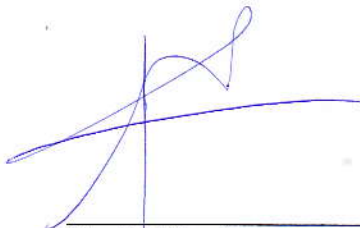
Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
			từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.197.478	4.888.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.613	16.263
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		12.613	16.263
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	7.184.865	4.872.437
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	4.657.767	4.198.846
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	20	2.527.098	673.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	265.964	183.238
7. Chi phí tài chính	22	23	441.407	618.398
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		414.903	605.344
8. Chi phí bán hàng	25		672.537	572.302
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.271.599	3.244.438
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		407.519	(3.578.309)
11. Thu nhập khác	31		24.240	54.378
12. Chi phí khác	32	24	91.276	172.233
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(67.036)	(117.855)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		340.483	(3.696.164)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(8.764)	12.752
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		349.247	(3.708.916)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	0,005	(0,053)



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng




Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ hoạt động	Cho kỳ hoạt động
		từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	340.483	(3.696.164)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.313.544	1.311.340
Các khoản dự phòng	03	39.840	(43.689)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(160.936)	(132.284)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	-	34.487
Chi phí lãi vay	06	414.903	605.344
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.947.834	(1.920.966)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.506.971)	1.065.795
Thay đổi hàng tồn kho	10	93.415	(175.086)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.100.421	1.888.958
Thay đổi chi phí trả trước	12	475.099	1.315.349
Tiền lãi vay đã trả	14	(417.016)	(566.963)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(791)	(2.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.691.991	1.604.710
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.322.105)	(1.133.514)
2. Tiền thu từ bồi thường TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.414.113	136.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.092.008	(997.174)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.829.558	3.718.552
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.119.219)	(4.291.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.289.661)	(572.536)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3.494.338	35.000
Tiền đầu kỳ	60	1.180.218	205.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.548	3.642
Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4.677.104	243.721

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

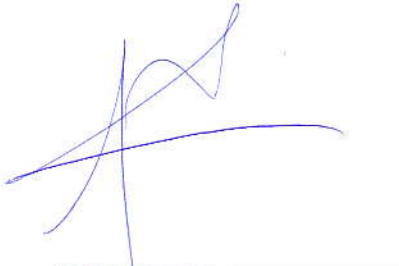
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tiền thu từ bồi thường tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác thể hiện số tiền bồi thường đợt 1 đã nhận trong kỳ cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND Thành phố Hạ Long như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 860.111 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: 1.319.963 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 540.787 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: 329.921 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 9 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đà Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 8 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Đỗ Trí Vỹ, người Đài Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngày 12 tháng 9 năm 2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 9 số 221.032.000.118. Theo đó, giá trị vốn đầu tư của Công ty tăng từ 46.000.000 USD lên thành 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.532 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.619 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNNI do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty. Toàn bộ giá trị còn lại của tài sản thuộc khu Công viên đã được phân loại lại sang khoản mục phải thu khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 06 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long đi vào hoạt động kinh doanh và giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tiền mặt	973.174	1.109.829
Tiền gửi ngân hàng	3.703.930	70.389
	<u>4.677.104</u>	<u>1.180.218</u>

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>30/6/2015</u>			<u>31/12/2014</u>		
	USD			USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Đại lý Chứng Phát	57.141	82.049
Đại lý Long Bay	890.048	138.163
Đại lý Đại Dương Thành	921.074	-
Đại lý Salon	210.987	-
Khách đoàn Long Bay	112.705	106.337
Các khoản phải thu khách hàng khác	64.306	111.393
	<u>2.256.261</u>	<u>437.942</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Phải thu người lao động	21.596	1.736
Phải thu tiền bồi thường (*)	1.964.913	-
Phải thu khác	38.268	8.215
	<u>2.024.777</u>	<u>9.951</u>

(*) Chi tiết:

Giá trị còn lại của tài sản đang xem xét phương án đền bù	6.379.026
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình (xem thêm tại Thuyết minh số 10)	3.599.711
- Giá trị còn lại của tài sản vô hình (xem thêm tại Thuyết minh số 11)	92.906
- Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê (xem thêm tại Thuyết minh số 12)	1.824.273
- Giá trị của xây dựng cơ bản dở dang (xem thêm tại Thuyết minh số 13)	862.136
Số đền bù đợt 1 đã nhận được trong kỳ	(4.414.113)
Số còn phải thu	1.964.913

Số phải thu phát sinh trong kỳ thể hiện giá trị ước tính phải thu từ đền bù của các tài sản trên đất và giá trị sử dụng quyền sử dụng đất tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long và Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Theo Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia, theo đó, các công trình sẽ được bồi thường 100% theo đơn giá bồi thường vật kiến trúc tại thời điểm bồi thường với giá trị 100% xây mới. Đối với tài sản là công trình kiến trúc khác, hạ tầng, san lấp nền, hoa màu sẽ được bồi thường 100% giá trị tại thời điểm bồi thường đối với diện tích được UBND giao đất. Phần diện tích ngoài ranh giới được tỉnh giao đất (7,2 ha), Công ty xác định khối lượng và giá trị tôn tạo mặt bằng thực tế và sẽ được hỗ trợ 100% giá trị tại thời điểm bồi thường.

Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND tỉnh Quảng Ninh và giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước, UBND tỉnh Quảng Ninh để có phương án đền bù thỏa đáng và tối ưu cho Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi từ việc bồi thường sẽ không thấp hơn giá trị còn lại của tài sản khu Công viên. Toàn bộ giá trị còn lại của tài sản thuộc khu Công viên đã được phân loại lại sang khoản mục phải thu khác.

Số đã nhận trong kỳ là số tiền bồi thường đợt 1 cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất trị giá 108,58 tỷ VND tương đương 4,97 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) đã nhận được ngày 29 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND Thành phố Hạ Long - trong đó, số tiền tương ứng với tài sản của Công ty ước tính là 96,4 tỷ VND tương đương 4,4 triệu USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) và số tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ ước tính là 12,17 tỷ VND tương đương 557 nghìn USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) được ghi nhận trên khoản phải trả khác (xem thêm tại Thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1531/QĐ-UBND của UBND thành phố Hạ Long phê duyệt số tiền được bồi thường đợt 2 là 16,481 tỷ VND tương đương 754,6 ngàn USD (tỷ giá 21.840 VND/USD) cho các tài sản thuộc về hạng mục tài sản, vật kiến trúc trên đất.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND về đơn giá đền bù cho những tài sản còn lại của khu công viên.

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	414.467	-	621.592	-
Hàng hóa	214.991	(32.049)	213.421	(32.048)
	629.458	(32.049)	835.013	(32.048)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	43.746.696	11.500.793	968.875	627.819	1.727.544	58.571.727
Tăng do mua sắm	-	-	71.176	1.815	1.786	74.777
Tăng từ XDCB hoàn thành	11.879	-	-	-	-	11.879
Tăng khác	-	-	-	13.014	2.825	15.839
Giảm khác (*)	5.897.441	54.158	-	2.592	289.587	6.243.778
Tại ngày 30/6/2015	37.861.134	11.446.635	1.040.051	640.056	1.442.568	52.430.444
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	5.800.071	3.640.348	432.433	187.424	589.486	10.649.762
Khấu hao trong kỳ	439.599	511.142	47.831	55.850	135.462	1.189.884
Giảm khác (*)	2.312.684	47.755	-	2.592	281.036	2.644.067
Tại ngày 30/6/2015	3.926.986	4.103.735	480.264	240.682	443.912	9.195.579
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	33.934.148	7.342.900	559.787	399.374	998.656	43.234.865
Tại ngày 31/12/2014	37.946.625	7.860.445	536.442	440.395	1.138.058	47.921.965

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 23.313.646 USD (31 tháng 12 năm 2014: 26.170.494 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại là 0 USD (31 tháng 12 năm 2014: 3.599.691 USD).

(*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm kế toán USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	4.650.000	73.482	4.723.482
Giảm khác (*)	255.732	-	255.732
Tại ngày 30/6/2015	4.394.268	73.482	4.467.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	3.070.788	55.308	3.126.096
Khấu hao trong kỳ	118.996	4.664	123.660
Giảm khác (*)	162.826	-	162.826
Tại ngày 30/6/2015	3.026.958	59.972	3.086.930
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	1.367.310	13.510	1.380.820
Tại ngày 31/12/2014	1.579.212	18.174	1.597.386

(*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	2.244.878	2.244.878
Giảm khác (*)	2.244.878	2.244.878
Tại ngày 30/6/2015	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	420.605	420.605
Giảm khác (*)	420.605	420.605
Tại ngày 30/6/2015	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/6/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1.824.273	1.824.273

(*): Giá trị ghi giảm trong kỳ thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Biến động trong kỳ:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Tại ngày 01 tháng 01	1.163.591	33.565.598
Tăng trong kỳ	637.458	701.536
Kết chuyển sang tài sản cố định	(11.879)	(31.167.319)
Giảm khác (*)	(862.136)	(1.293.031)
Tại ngày 30 tháng 6	927.034	1.806.784

(*): Giá trị ghi giảm trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản tại khu Công viên Hoàng Gia bàn giao cho UBND tỉnh Quảng Ninh theo Thông báo số 803/TB-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2014 của UBND thành phố Hạ Long, Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh và Thông báo số 52/TB-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất nguyên tắc và phương pháp tính giá trị đền bù đối với tài sản của khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 8.

Chi tiết số dư:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	922.551	1.159.108
- Mua sắm	4.483	4.483
	927.034	1.163.591
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	580.017	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long (**)	336.412	287.628
- Khu văn phòng	6.122	9.344
- Khu Công viên	-	862.136

(**): Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp ngân hàng giá trị của công trình xây dựng dở dang này để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tổng
	USD	USD	USD
Tại ngày 31/12/2014	31.505	911	32.416
Ghi nhận trong kỳ	(1.148)	9.912	8.764
Tại ngày 30/6/2015	30.357	10.823	41.180

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, lỗ lũy kế của Công ty là 5,16 triệu USD. Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.422.782
- Đại lý Long Bay	-	721.030
- Đại lý Đại Dương Thành	-	1.701.752
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.154.951	490.955
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân (*)	558.948	-
+ Chíp trôi nổi	308.110	255.247
+ Bảo hành xây dựng	246.636	206.613
+ Đặt cọc thuê điếm	6.325	6.325
+ Khác	34.932	22.770
Cộng	<u><u>1.154.951</u></u>	<u><u>2.913.737</u></u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.645.533	-
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	-
- Đại lý Long Bay	1.145.533	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.782	5.560
Cộng	<u><u>2.650.315</u></u>	<u><u>5.560</u></u>

(*): Bao gồm số tiền đền bù cho tài sản của các hộ kinh doanh do Công ty nhận hộ với giá trị ước tính là 12,17 tỷ VND tương đương 558 nghìn USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2015 của UBND thành phố Hạ Long như đã trình bày tại Thuyết minh số 08.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong</u>	<u>30/6/2015</u>
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	543.287	575.104	(229.568)	888.823
Thuế tiêu thụ đặc biệt	580.238	613.779	(321.438)	872.579
Thuế khác	309.113	71.100	(77.300)	302.913
Cộng	<u><u>1.432.638</u></u>	<u><u>1.259.983</u></u>	<u><u>(628.306)</u></u>	<u><u>2.064.315</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	31/12/2014		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	1.843.177	1.843.177	1.975.846	2.006.802
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	935.296	935.296	929.712	949.933
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	932.287	932.287	924.000	1.856.287
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	748.433	748.433	367.309	381.124
	4.459.193	4.459.193	4.196.867	5.194.146
				3.461.914

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,75 triệu USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2015. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 20 tỷ VND tương đương 918 nghìn USD (tỷ giá 21.780 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	3.850.579	3.850.579	-	438.381
	3.850.579	3.850.579	-	438.381
				3.412.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,8 triệu USD (tỷ giá 21.780 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2014: 170 tỷ VND).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Trong vòng một năm	734.618	748.433
Trong năm thứ hai	734.619	748.433
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.203.857	2.245.299
Sau năm năm	473.722	856.847
	<u>4.146.816</u>	<u>4.599.012</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	(734.618)	(748.433)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.412.198</u>	<u>3.850.579</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2014	42.309.870	5.027.169	649.326	1.696.456	49.682.821
Lỗ trong năm	-	-	-	(7.201.940)	(7.201.940)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Tại ngày 31/12/2014	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.506.984)	42.479.381
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	349.247	349.247
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Tại ngày 30/6/2015	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.159.237)	42.827.128

(i) Thù lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 280/NQ-ĐHCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2015.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	30/6/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2014: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi '000 VND	Vốn đã góp tại ngày					
		30/6/2015		31/12/2014			
		USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	93.454.360	5.629.463	93.454.360	13%	5.629.463	93.454.360	13%
Các nhà đầu tư khác	193.627.330	11.585.002	193.627.330	28%	11.585.002	193.627.330	28%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	42.309.870	703.687.540	100%

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia: Kinh doanh các dịch vụ vui chơi. Ngày 27 tháng 6 năm 2015, Đại hội Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua việc Bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND Tỉnh Quảng Ninh, Công ty đã ghi giảm giá trị còn lại của tài sản Khu Công viên Hoàng Gia như đã trình bày tại Thuyết minh số 08.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long		Tổng cộng
				Bù trừ		
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	11.537.334	6.632.505	8.076.385	33.184.907	(19.854.502)	39.576.629
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.692.164
Tổng tài sản hợp nhất						57.268.793
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	6.009.482	980.957	890.373	24.764.590	(19.854.502)	12.790.900
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.650.765
Tổng nợ phải trả hợp nhất						14.441.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

			Khách sạn Hoàng			Tổng cộng
	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Gia Hạ Long	Bù trừ	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	1.984.650	1.143.709	1.097.072	2.959.434	-	7.184.865
Giá vốn bộ phận	(1.954.486)	(439.749)	(198.583)	(2.064.949)	-	(4.657.767)
Lợi nhuận gộp	30.164	703.960	898.489	894.485	-	2.527.098
Chi phí không phân bổ						(1.944.136)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						582.962
Doanh thu hoạt động tài chính						265.964
(Lỗ) khác						(67.036)
Chi phí tài chính						(441.407)
Lợi nhuận trước thuế						340.483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						8.764
Lợi nhuận trong kỳ						349.247

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

			Khách sạn Hoàng			Tổng cộng
	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Gia Hạ Long	Bù trừ	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	11.295.547	9.112.090	10.326.536	34.330.182	(18.575.348)	46.489.007
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	10.677.654
Tổng tài sản hợp nhất						57.166.661
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.945.695	950.179	921.361	25.136.973	(18.575.348)	13.378.860
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.308.420
Tổng nợ phải trả hợp nhất						14.687.280

Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

			Khách sạn Hoàng			Tổng cộng
	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Gia Hạ Long	Bù trừ	
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	1.011.769	981.699	1.217.438	1.661.531	-	4.872.437
Giá vốn bộ phận	(1.708.172)	(450.685)	(423.942)	(1.616.047)	-	(4.198.846)
(Lỗ)/Lợi nhuận gộp	(696.403)	531.014	793.496	45.484	-	673.591
Chi phí không phân bổ						(3.816.740)
(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh						(3.143.149)
Doanh thu hoạt động tài chính						183.238
(Lỗ) khác						(117.855)
Chi phí tài chính						(618.398)
(Lỗ) trước thuế						(3.696.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(12.752)
(Lỗ) trong kỳ						(3.708.916)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	254.203	343.992
Chi phí nhân công	2.890.075	3.475.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.313.544	1.711.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	2.144.081	2.484.769
	6.601.903	8.015.586

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	548	340
Lãi chênh lệch tỷ giá	219.301	143.172
Doanh thu hoạt động tài chính khác	46.115	39.726
	265.964	183.238

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Chi phí lãi vay	414.903	605.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.504	13.054
	441.407	618.398

24. CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	3.291	34.487
Các khoản chi khác	87.985	137.746
	91.276	172.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	340.483	(3.696.164)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	(5.739)	-
Cộng:		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	65.083	73.115
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	45.056	(43.689)
Chuyển lỗ	444.883	-
Thu nhập chịu thuế	-	(3.666.738)
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	(8.764)	12.752

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

26. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	349.247	(3.708.916)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	349.247	(3.708.916)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	0,005	(0,053)

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	30/6/2015	31/12/2014
AUD	50	-
HKD	20	21.250
JPY	-	50.000
KRW	280.000	1.465.000
TWD	5.465	185
RMP	112.786	69.039
SGD	160	-
THB	-	11.400
VND	82.797.512.131	6.221.360.922

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư ngày 10 tháng 4 năm 2015, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 giá trị đã đầu tư là 580.017 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 2.817.868 USD.

Ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng số 1668/HĐ HTKD với Công ty Liên doanh TNHH Tập đoàn Quốc tế Salon ("Salon"), theo đó Salon sẽ thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày bắt đầu kinh doanh - chậm nhất là trước ngày 15 tháng 12 năm 2015. Tiền thuê được thanh toán trước ngày 10 hàng tháng.

Cam kết cho thuê hoạt động

Ngày 28 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng số 01072015/HĐTN-HG với Salon, theo đó Salon thuê bao 190 phòng nghỉ/ngày (gồm 110 phòng nghỉ khách sạn và 80 phòng nghỉ biệt thự). Thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Việc thanh toán được tính trên số phòng thực tế nhưng không thấp hơn 70% số lượng phòng thuê bao (tức là 133 phòng/ngày).

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 297.561 USD (31 tháng 12 năm 2014: 52.022 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ trừ trừ lỗ lũy kế).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Các khoản vay	6.874.112	8.309.772
Trừ: Tiền	4.677.104	1.180.218
Nợ thuần	2.197.008	7.129.554
Vốn chủ sở hữu	<u>42.827.128</u>	<u>42.479.381</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	5%	17%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	4.677.104	1.180.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.231.837	443.748
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	419.411	419.411
Tổng cộng	<u>9.328.352</u>	<u>2.043.377</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ tài chính	6.874.112	8.309.772
Phải trả người bán và phải trả khác	4.834.309	4.291.332
Chi phí phải trả	31.301	24.284
Tổng cộng	<u>11.739.722</u>	<u>12.625.388</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh từ rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	5.470.838	624.348	7.743.985	12.349.557

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm 227.315 USD (kỳ 6 tháng đầu năm 2014: lỗ trước thuế giảm 1.145.985 USD).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế USD
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
USD	+200	(137.482)
USD	-200	137.482
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
USD	+200	(178.930)
USD	-200	178.930

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	4.677.104	-	4.677.104
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.231.837	-	4.231.837
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
Tổng cộng	8.908.941	419.411	9.328.352
30/6/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	2.183.994	2.650.315	4.834.309
Chi phí phải trả	31.301	-	31.301
Các khoản vay và nợ tài chính	3.461.914	3.412.198	6.874.112
Tổng cộng	5.677.209	6.062.513	11.739.722
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.231.732	(5.643.102)	(2.411.370)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	1.180.218	-	1.180.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	443.748	-	443.748
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	419.411	419.411
Tổng cộng	1.623.966	419.411	2.043.377

31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	4.285.772	5.560	4.291.332
Chi phí phải trả	24.284	-	24.284
Các khoản vay và nợ tài chính	4.459.193	3.850.579	8.309.772
Tổng cộng	8.769.249	3.856.139	12.625.388
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.145.283)	(3.436.728)	(10.582.011)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
		USD	USD
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ		
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị		
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp		2.357	2.117
Bán hàng cho Bà Nguyễn Tiểu Mai		-	5.830

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	38.019	38.170

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	USD	USD
Các khoản phải trả khác		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	11.215	14.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hiện tại do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Mã số	31/12/2014		31/12/2014	
	Số đã báo cáo USD	Phân loại lại USD	Số sau phân loại lại USD	
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	8.216	1.735	9.951
Hàng tồn kho	140	1.098.577	(295.612)	802.965
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	802.379	(791.328)	11.051
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.735	(1.735)	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	436.133	791.328	1.227.461
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	295.612	295.612

Mã số	Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	
	Số đã báo cáo USD	Phân loại lại USD	Số sau phân loại lại USD	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.229.148	(340.448)	4.888.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	356.711	(340.448)	16.263
Thu nhập khác	31	190.718	(136.340)	54.378
Chi phí khác	32	308.573	(136.340)	172.233

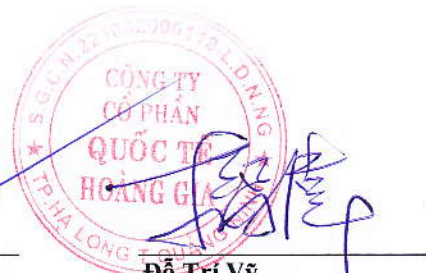


Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc